CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 66.TOP/EB/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**

Địa chỉ: 163 Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.3995.8368 Fax: 028.3995.8423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. **Tên sản phẩm: CRF KHOAI TÂY QUE TẨM BỘT CHIÊN XÙ**
2. **Thành phần:** Khoai tây (90%), dầu hướng dương, bột lúa mì, bột gạo, chất làm dày (1412), muối ăn, men, đường dextrose, gia vị (ớt, nghệ), chất tạo xốp (450(i), 500(i)), chất ổn định (415), chất chống oxy hóa (392).
3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 2 năm kể từ ngày sản xuất
4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 600 g
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi nhựa.

5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): CLAREBOUT POTATOES NV,** Heirweg 26, 8950 Nieuwkerke, Belgium (Bỉ)

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Xem bản đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. **Chỉ tiêu kim loại nặng:** Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,1

2. **Chỉ tiêu vi sinh vật:** Theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	TSVSVHK	CFU/g	10^6
2	*Coliforms*	CFU/g	10^3
3	*E.coli*	CFU/g	10^2
4	*S. aureus*	CFU/g	10^2
5	*Cl. perfringens*	CFU/g	10^2
6	*B.cereus*	CFU/g	10^2
7	TSBTNM-M	CFU/g	10^3

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

NGUYỄN THỊ THẢO

Director - International Import

Giám Đốc Nhập Khẩu Quốc Tế

NHÃN PHỤ

CRF KHOAI TÂY QUE TẨM BỘT CHIÊN XÙ

Thành phần: Khoai tây (90%), dầu hướng dương, bột lúa mì, bột gạo, chất làm dày (1412), muối ăn, men, đường dextrose, gia vị (ớt, nghệ), chất tạo xốp (450(i), 500(i)), chất ổn định (415), chất chống oxy hóa (392).

Thành phần dinh dưỡng (trên 100 g): Năng lượng 675 kJ; chất béo 5,4 g trong đó chất béo bão hòa 0,6 g; chất bột đường 24 g trong đó đường 2,6 g; chất xơ 2,6 g; chất đạm 2,7 g; muối 0,25 g.

Khối lượng tịnh: 600 g

Sử dụng lò nướng để nướng sản phẩm. Làm nóng lò ở 220°C, đặt một lớp khoai vẫn còn đông lạnh vào khay nướng. Đặt khay nướng ở khoảng giữa lò và nướng trong khoảng 15-20 phút. Lật các miếng khoai, tiếp tục nướng bằng một nửa thời gian nướng ban đầu. Nếu sử dụng lò nướng xoay nhiệt, chọn chế độ nướng chín, khoai sẽ giòn hơn. Ăn khi còn nóng. Không cần thiết phải cho thêm muối.

Bảo quản ở nhiệt độ -18°C hoặc trong tủ đông. Sau khi mở bao bì, bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh trong vòng 24 giờ hoặc 3 ngày trong ngăn đông.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Sản xuất bởi: CLAREBOUT POTATOES NV, Heirweg 26, 8950 Nieuwkerke, Belgium (Bỉ)

Nhập khẩu và phân phối bởi: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**, 163 Phan Đăng Lưu, P.1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảnh báo: Không làm đông lại sản phẩm. Không dùng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.

Số TCB: 66.TOP/EB/2022

490. mm
20
112.5 mm
BACK
225 mm
FRONT
112.5 mm
BACK
20
15
315 mm
285 mm
15
FOR TOP SEAL
Classic'
Classic'
SPÉCIAL FOUR
ESPECIAL HORNO - SPECIALE FORNO
ALLUMETTES
FINAS - PATATE FRITTE A FIAMMIFERO
Nutrition / Nutrición / Dichiarazioni nutrizionale
Valeurs moyennes pour :
Valores medios por:
Valori medi per:
100g
Energie / Valor energético / Energia
475 kJ
101 kcal
Matières grasses / Grasas / Grassi
5,4 g
dont acides gras saturés / de las cuales saturadas / di cui acidi grassi saturi
0,6 g
Glucides / Hidratos de carbono / Carboidrati
24 g
Fibres alimentaires / Fibra alimentaria / Fibre
2,5 g
Protéines / Proteínas / Proteine
2,7 g
Sel / Sal / Sale
0,29 g
Intendis - TSA 91431 - 91343 MASSY Cedex - France.
Service Consommateurs Carrefour
TSA 91431 - 91343 MASSY Cedex - France
Centros Comerciales Carrefour S.A.
Cl Campezo, 16 - 28022 MADRID - España
Tel.: 914 906 900
Servizio Clienti: Numero verde 800-650650
600 g e
3 560070 143085
NUTRI-SCORE
A
B
C
D
E
220°C
15-20 min
SURGELÉ
ULTRACONGELADO
SURGELATO
600 g e
À L'HUILE DE TOURNESOL
CON ACEITE DE GIRASOL
CON OLIO DI SEMI DI GIRASOLE
BEST BEFORE
minimum 70x50mm
10
FOR BOTTOM SEAL
DO NOT PRINT FOR
SEAL BACKSIDE
DO NOT PRINT FOR SEAL BACKSIDE
DOCUMENT INFO.
INFOS DU DOCUMENT
CODEV N° : 13375
Carrefour
Date
Nom
Signature
REF. : 13375_FRITE AU FOUR 0_6 600G_13012_ST2005000435_V1
INDUSTRIEL / SUPPLIER : CLAREBOUT
NOM DU PLAN : 490x315
ARTWORKS :
PHOTOGRAVURE :
V1 05.11.2020 US
V1 27.11.2020 RG
IMPRESSION / PRINTING PROCESS : FLEXOGRAPHIE
IMPRIMEUR / PRINTER : SIVA GROUP
SUPPORT / SUBSTRATE : FILM BLANC
PROFIL / COLOR PROFIL : ISO-COATED FOGRA 39L
Plateforme
Achats
CPP
COULEURS DU DOCUMENT / DOCUMENT COLORS
TRACE non imprimable
Vernis brillant
Vernis mat
Demande de BAT
janoschka

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG

Chúng tôi là: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**

- Mã số doanh nghiệp: 0105696842
- Người đại diện: NGUYỄN THỊ THẢO
- Chức danh: Giám đốc - Nhập khẩu quốc tế
- Trụ sở: 163 Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện công ty chúng tôi đang tiến hành các thủ tục về tự công bố sản phẩm đối với sản phẩm **CRF KHOAI TÂY QUE TẨM BỘT CHIÊN XÙ** do đơn vị chúng tôinhập khẩu.

Kính mong quý cơ quan giải quyết hồ sơ tự công bố sản phẩm của chúng tôi theo quy định.

Trân trọng.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

NGUYỄN THỊ THẢO
Director - International Import
Giám Đốc Nhập Khẩu Quốc Tế

490. mm

20 | 112.5 mm BACK | 225. mm FRONT | 112.5 mm BACK | 20

315 mm | 285 mm | 15

FOR TOP SEAL

BEST BEFORE
minimum 70x50mm

FOR BOTTOM SEAL

10

DO NOT PRINT FOR SEAL BACKSIDE

DO NOT PRINT FOR SEAL BACKSIDE

DOCUMENT INFO / INFOS DU DOCUMENT

CODEV N° : 13375

Carrefour

Date	Nom	Signature
Plateforme		
Achats		
CPP		

REF. : 13375_FRITE AU FOUR 0_6 600G_13312_ST2000000435_V1
INDUSTRIEL / SUPPLIER : CLAREBOUT
NOM DU PLAN : 490x315

ARTWORKS :

PHOTOGRAVURE :
V1 09.11.2020 US
V1 27.11.2020 RG

IMPRESSION / PRINTING PROCESS : FLEXOGRAPHIE Nb Couleurs Max : 8
IMPRIMEUR / PRINTER : SIVA GROUP
SUPPORT / SUBSTRATE : FILM BLANC
PROFIL / COLOR PROFIL : ISO-COATED FOGRA 39L

COULEURS DU DOCUMENT / DOCUMENT COLORS

C.YAN | M.MAGENTA | J.JAUNE | N.NOIR | MOD | P.470-4 | P.425-4 | P.485-4 | C.021m

TRACÉ non imprimable | Vernis brillant | Vernis mat | Métal | Métallisé

janoschka

Demande de BAT

Classic'
Classic'
SPÉCIAL FOUR
ESPECIAL HORNO - SPECIALE FORNO
ALLUMETTES
FINAS - PATATE FRITTE A FIAMMIFERO
600 g
NUTRI-SCORE
A
B
C
D
E
220°C
15-20 min
SURGELÉ
ULTRACONGELADO
SURGELATO
600 g
À L'HUILE DE TOURNESOL
CON ACEITE DE GIRASOL
CON OLIO DI SEMI DI GIRASOLE

Dinh dưỡng

Giá trị dinh dưỡng trung bình cho	**100g**
Năng lượng	675 kj 161kclal
Chất béo A xít béo bão hòa	5,4 g 0,6 g
Chất bột đường	24 g
Chất xơ	2,6 g
Protein	2,7 g
Muối ăn	0,25 g

Lượng đường không đáng kể.

Interdis – TSA 91431 – 91343 MASSY Cedex - Pháp

Dịch vụ khách hàng Carrefour
TSA 91431 – 91343 MASSY Cedex - Pháp
Số điện thoại tư vấn: 09 69 39 7000
Miễn phí cước gọi.

600 g

Classic'

LÒ NƯỚNG ĐẶC BIỆT
KHOAI TÂY QUE TẨM BỘT

Điểm dinh dưỡng	
	A
	B
	C
	D
	E

220 độ C
Lò nướng
15-20 phút

ĐÔNG LẠNH

600 g

CÓ DẦU HƯỚNG DƯƠNG

Khoai tây chiên dạng que tẩm bột đông lạnh.

Thành phần: Khoai tây 90%,dầu hướng dương 5%, bột lúa mỳ, bột gạo, chất làm dày: Distarch phosphat, muối ăn, men, đường dextrose, gia vị (ớt, nghệ), chất tạo xốp: Dinatri diphosphat và natri carbonat, chất ổn định: Gôm xanthan, chất chống oxy hóa: Chiết xuất hương thảo.

Chế biến: Để nóng lò ở 220°C, đặt 1 lớp khoai vẫn còn đông lạnh vào khay nướng. Đặt vỉ nướng ở tầm trung trong lò và để chín khoảng 15-20 phút. Lật các miếng khoai, tiếp tục nướng bằng một nửa thời gian nướng ban đầu. Nếu các bạn có một lò nướng xoay nhiệt, háy chọn chế độ nướng chín, những miếng khoai này sẽ giòn hơn. Hãy ăn khi còn nóng. Không cần thiết phải cho thêm muối.

Bảo quản: Bảo quản 24 h trong ngăn mát, 3 ngày trong ngăn đông và để đạt đến ngày bảo quản tối đa nên để trong tủ đông ở -18°C

CHÚ Ý KHÔNG LÀM ĐÔNG LẠI SAU KHI ĐÃ RÃ ĐÔNG.

Tốt nhất sử dụng trước ngày / Số lô:

Je, soussignée, PHAN THỊ THANH HƯƠNG,
Carte d'identité numéro: 182029837
Délivrée le 05 Juillet 2008
Par : le Directeur de la Police provinciale de Nghe An, je m'engage que les contenus des documents/des papiers sont traduits correctement du Français en Vietnamien.

Tôi, PHAN THỊ THANH HƯƠNG,
CMND số: 182029837
Do Giám đốc Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày: 05/07/2008, tôi cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Pháp sang tiếng Việt.

Ngày 04 tháng 04 năm 2022
Le 04 / 04 / 2022

Người dịch
Traducteur

PHAN THỊ THANH HƯƠNG
PHAN THI THANH HUONG

Au comité populaire du 10ème arrondissement – de Ho Chi Minh-Ville
Je suis : Nguyễn Văn Thành
Chef adjoint du bureau Judiciaire du 10ème arrondissement.
CERTIFIE
Mme: PHAN THỊ THANH HƯƠNG
A signé les documents traduits.

Tại Ủy ban nhân dân quận 10 – TP. Hồ Chí Minh
Tôi: Nguyễn Văn Thành
là: Phó Trưởng Phòng Tư Pháp Quận 10.
CHỨNG THỰC
Bà: PHAN THỊ THANH HƯƠNG
là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực: 00024055
Quyển số: **04**/SCT/CKND
No de certification: *Livret N°: **04**/SCT/CKND*

Ngày 04 tháng 04 năm 2022
(Ngày bốn, tháng bốn, năm hai nghìn hai mươi hai)
Le 04 / 04 / 2022
(Le quatre avril deux mille vingt-deux.)

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TƯ PHÁP
QUẬN 10 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Thành

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL4220300331-6

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 27/02/2022
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 27/02/2022
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 04/03/2022
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **CRF KHOAI TÂY QUE TẨM BỘT CHIÊN XÙ**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	$2.7x10^2$	CFU/g	-	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
4	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.55
5	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
6	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 980.31
7	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-2 : 2010 (ISO 21527-2 : 2008)
8	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.007	TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 10912:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015))
9	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 10912:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015))

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam
Telephone: (+84) 28.3810.4336 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL4220300331-6

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212615 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*